|  |  |
| --- | --- |
| **UBND TỈNH QUẢNG TRỊ****SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**Số: 543 /SNN- PTNTV/v đẩy nhanh tiến độ thực hiện Quyết định 21/2015/QĐ-UBND về hỗ trợ lãi suất vốn vay, phát triển sản xuất kinh doanh  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Quảng Trị , ngày 31 tháng 5 năm 2016* |

Kính gửi:

- UBND các huyện, thành phố, thị xã;

- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Quảng Trị.

Triển khai thực hiện nguồn vốn hỗ trợ lãi suất, vốn vay phát triển sản xuất kinh doanh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2015- 2020 tại Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Trị (gọi tắt là Quyết định 21); Về phía Chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh Quảng Trị đã có 02 văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định 21(gồm văn bản số: 701/QTR- TH ngày 10/12/2015, 103/HD- QTR ngày 22/2/2016) và Sở Nông nghiệp và PTNT đã có văn bản 1321/SNN- PTNT ngày 28/9/2015 gửi các cơ quan thông tấn báo chí Trung ương và địa phương đóng trên địa bàn tỉnh cũng như UBND các huyện, thành phố, thị xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung của Quyết định 21 đến tận mọi người dân. Tuy nhiên, qua theo dõi một số tổ chức, cá nhân vẫn chưa tiếp cận được thông tin về chính sách hỗ trợ vốn vay phát triển sản xuất của Quyết định 21.

Hiện nguồn vốn hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất kinh doanh được UBND tỉnh phân bổ tại Quyết định 532/QĐ- UBND ngày 21/3/2016 đã được Sở Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức lấy ý kiến của các Sở, ban, ngành và địa phương; đồng thời Sở Kế hoạch và Đầu đã có thông báo số 134/TB-SKH-NN ngày 20/5/2016 cho các huyện, thành phố, thị xã chủ trì triển khai thực hiện. Song, để tạo mọi điều kiện cho người dân dễ dàng tiếp cận nguồn vốn cũng như thuận lợi trong việc hồ sơ vay vốn theo quy định tại Quyết định 21, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan thường trực Chương trình) đề nghị thực hiện một số nội dung sau:

1. UBND các huyện, thành phố, thị xã:

i) Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên mọi phương tiện như Đài Truyền thanh, hội nghị, hội thảo, in ấn tờ rơi... nhằm giúp người dân tiếp cận đầy đủ chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất kinh doanh;

ii) Chỉ đạo các Phòng chuyên môn, UBND các xã, phường, thị trấn hướng dẫn cho người dân dễ dàng tiếp cận lập dự án theo Dự án mẫu do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn soạn thảo và đã tổ chức lấy ý kiến đối với các sở, ban, ngành và các địa phương tại Văn bản số 1367/SNN-PTNT về việc đề nghị phối hợp

hướng dẫn liên ngành triển khai thực hiện Quyết định 21/2015/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh *(Đính kèm Dự án mẫu và Mẫu giấy đề nghị cho vay hỗ trợ lãi suất)*

iii) Tăng cường công tác hỗ trợ hướng dẫn và kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện, kịp thời phản ánh vướng mắc, khó khăn về Ban chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh (Qua Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định);

iv) Ban hành danh mục, định mức cho vay, thời gian hỗ trợ lãi suất tiền vay đối với sản phẩm đặc sản của địa phương trên địa bàn huyện, thành phố, thị xã theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 4 Quy định của Quyết định 21;

v) Để có căn cứ phân bổ nguồn vốn 3.700 triệu đồng năm 2015 mang sang thực hiện năm 2016 hỗ trợ lãi suất tiền vay (đợt 2) tại Quyết định số 387a/QĐ- UBND ngày 29/02/2016 của UBND tỉnh; đề nghị UBND các huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn rà soát, tổng hợp nắm nhu cầu vay vốn từ người dân theo định mức, danh mục hỗ trợ tại Quyết định 21. UBND các huyện, thành phố, thị xã tổng hợp nhu cầu vốn vay (Mẫu: Toàn huyện) gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT (qua Chi cục Phát triển nông thôn) trước ngày 25/6/2016 để tổng hợp trình UBND tỉnh phân bổ vốn cho các địa phương *(Chi tiết đính kèm biểu mẫu).*

2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Quảng Trị

 Đề nghị tiếp tục chỉ đạo các ngân hàng Thương mại, Phòng giao dịch ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân tạo mọi điều kiện hỗ trợ cho người dân dễ dàng tiếp cận nguồn vốn vay cho hộ gia đình, cá nhân, hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác, chủ trang trại vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh theo Đề án xây dựng nông thôn mới tại 117 xã và Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp tại các phường, thị trấn theo tinh thần của nội dung Quyết định 21./.

***Nơi nhận*: GIÁM ĐỐC**

**-** Như trên;

-GĐ, PGĐ Sở: Trần Thanh Hiền;

- Chi cục PTNT;

- Phòng KH-TC; (Đã ký)

- Lưu: VT, PTNT.

 **Võ Văn Hưng**

**Mẫu 01: Toàn huyện**

**NHU CẦU VAY VỐN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH**

**(Theo Quyết định 21/2015/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị)**

***(Kèm theo Công văn số /SNN- PTNT ngày tháng năm 2016***

***của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị)***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Huyện, thành phố, thị xã** | **Lĩnh vực****cho vay[[1]](#footnote-1)** | **Thời gian vay** | **Dự kiến****nhu cầu vốn vay PTSX****(tr. đ)** | **Dự kiến kinh phí** **đề nghị hỗ trợ** **lãi suất tiền vay****(tr. đ)** | **Mức phần** **trăm lãi suất** **hỗ trợ/năm****(ví dụ lãi suất: 8%/năm)** |
| **Ngắn hạn** | **Trung hạn** | **Dài hạn** |
| ***a*** | ***b*** | ***1*** | ***2*** | ***3*** | ***4*** | ***5*** | ***6*** | ***7*** |
|  | Huyện............. |  |  |  |  |  |  |
| **1** | Xã............ | Trồng lúa | 100 |  |  | 100 | 4 | Theo Quy định tại Quyết định 21:- NSNN hỗ trợ 50% số tiền lãi đối với khoản vay ngắn hạn;- NSNN hỗ trợ 50% lãi suất đối với 2 năm đầu, từ năm thứ 3 trở đi hỗ trợ 30% lãi suất đối với khoản vay trung, dài, hạn. |
|  | 200 |  |  |  |
|  |  | 300 |  |  |
| **2** | Chăn nuôi lợn | 100 |  |  |  |  |
|  | 200 |  |  |  |
|  |  | 300 |  |  |
| **3** | Nuôi trồng thuỷ sản |  |  |  |  |  |
| Sản phẩm đặc sản củađịa phương |  |  |  |  |  |
| **4** | Ứng dụng tiến bộ KH- CN  |  |  |  |  |  |
| Phát triển kinh tế trang trại, gia trại |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |

 **Mẫu 02: Toàn xã**

**NHU CẦU VAY VỐN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH**

**(Theo Quyết định 21/2015/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị)**

***(Kèm theo Công văn số /SNN- PTNT ngày tháng năm 2016***

 ***của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị)***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Huyện, thành phố, thị xã** | **Lĩnh vực****cho vay[[2]](#footnote-2)** | **Thời gian vay** | **Dự kiến****nhu cầu vốn vay PTSX****(tr. đ)** | **Dự kiến****kinh phí****đề nghị hỗ trợ****lãi suất tiền vay****(tr. đ)** | **Mức phần****trăm lãi suất****hỗ trợ/năm****(Ví dụ lãi suất: 8%/năm)** |
| **Ngắn hạn** | **Trung hạn** | **Dài hạn** |
|  | ***a*** | ***b*** | ***1*** | ***2*** | ***3*** | ***4*** | ***5*** | ***6*** |
|  | **Xã.............** |  |  |  |  |  |  |
| **1** | Thôn........ |  Trồng lúa...... | 100 |  |  | 100 | 4 | Theo Quy định tại Quyết định 21:- NSNN hỗ trợ 50% số tiền lãi đối với khoản vay ngắn hạn;- NSNN hỗ trợ 50% lãi suất đối với 2 năm đầu, từ năm thứ 3 trở đi hỗ trợ 30% lãi suất đối với khoản vay trung, dài, hạn. |
|  | 200 |  |  |  |
|  |  | 300 |  |  |
| **2** | Chăn nuôi lợn | 100 |  |  |  |  |
|  | 200 |  |  |  |
|  |  | 300 |  |  |
| **3** | Nuôi trồng thuỷ sản |  |  |  |  |  |
| **4** | Sản phẩm đặc sản củađịa phương |  |  |  |  |  |
| **5** | Ứng dụng tiến bộ KH- CN |  |  |  |  |  |
| **6** | Phát triển kinh tế trang trại, gia trại |  |  |  |  |  |
| **7** | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |

 **Mẫu 03: Thôn, bản**

**NHU CẦU VAY VỐN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH**

**(Theo Quyết định 21/2015/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị)**

***(Kèm theo Công văn số /SNN- PTNT ngày tháng năm 2016***

***của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị)***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Huyện, thành phố, thị xã** | **Lĩnh vực****cho vay[[3]](#footnote-3)** | **Thời gian vay** | **Dự kiến****nhu cầu vốn vay PTSX****(tr. đ)** | **Dự kiến kinh phí** **đề nghị hỗ trợ** **lãi suất tiền vay****(tr. đ)** | **Mức phần** **trăm lãi suất** **hỗ trợ/năm****(Ví dụ lãi suất 8%/năm)** |
| **Ngắn hạn** | **Trung hạn** | **Dài hạn** |
| ***a*** | ***b*** | ***1*** | ***2*** | ***3*** | ***4*** | ***5*** | ***6*** | ***7*** |
|  | **Thôn.............** |  |  |  |  |  |  |
| **1** | Hộ Ông (bà)  | Trồng lúa | 100 |  |  | 100 | 4 | Theo Quy định tại Quyết định 21:- NSNN hỗ trợ 50% số tiền lãi đối với khoản vay ngắn hạn;- NSNN hỗ trợ 50% lãi suất đối với 2 năm đầu, từ năm thứ 3 trở đi hỗ trợ 30% lãi suất đối với khoản vay trung, dài, hạn. |
|  | 200 |  |  |  |
|  |  | 300 |  |  |
| **2** | Chăn nuôi lợn | 100 |  |  |  |  |
|  | 200 |  |  |  |
|  |  | 300 |  |  |
| **3** | Nuôi trồng thuỷ sản |  |  |  |  |  |
| **4** | Sản phẩm đặc sản củađịa phương |  |  |  |  |  |
| **5** | Ứng dụng tiến bộ KH- CN |  |  |  |  |  |
| **6** | Phát triển kinh tế trang trại, gia trại |  |  |  |  |  |
| **7** | Tổng cộng |  |  |  |  |  |  |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập- Tự do- Hạnh phúc**

**MẪU: Dự án vay vốn theo quyết định 21/2015/QĐ- UBND NGÀY 14/9/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị**

**DỰ ÁN**

“ Tên dự án[[4]](#footnote-4): .......................”

 Họ và tên[[5]](#footnote-5):…………………..........

 Địa chỉ[[6]](#footnote-6):……………………...........

 Điện thoại (nếu có):………….......

 Địa điểm thực hiện dự án[[7]](#footnote-7):..............

 Năm thực hiện: 2015…201…......

*(kèm theo giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất, vốn vay PTSX, KD theo mẫu 01/NTM)*

 Năm 201….

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập- Tự do- Hạnh phúc**

**DỰ ÁN**

.......................................

**I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG DỰ ÁN**

Mô tả ngắn gọn tính cấp thiết để đầu tư xây dựng dự án……….(nêu lý do vì sao phải xây dựng dự án, sự cần thiết để đầu tư phát triển sản xuất nhằm góp phần tăng thu nhập...., ổn định an ninh chính trị ở nông thôn),

 Ví dụ: đối với dự án trồng lúa theo mô hình liên kết chất lượng cao:

Nêu lý do: mặc dù năng suất, chất lượng đều tăng (đạt.....tạ/ha, sử dụng giống HC95,....) nhưng chưa tổ chức sản xuất theo hướng liên doanh- liên kết và kết nối thị trường tiêu thụ dẫn đến chi phí đầu vào cao, thu nhập thấp được mùa thì mất giá, được giá thì mất mùa. Xuất phát từ yêu cầu đó......... xây dựng dự án sản xuất lúa theo hướng liên kết chất lượng cao...... để gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ.....

**II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN**

Căn cứ Nghị quyết số 01/2014/NQ- HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VI, kỳ họp thứ 11 về quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2014/NQ- HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VI, kỳ họp thứ 11 về huy động các nguồn lực và quy định mức hỗ trợ xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị đến năm 2020;

Căn cứ Đề án xây dựng nông thôn mới xã, Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của Phường, thị trấn………..được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Căn cứ Quyết định 21/2015/QĐ- UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất kinh doanh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2015- 2020;

Căn cứ tiềm năng, lợi thế của địa phương…………………………..;

**III. ĐÁNH GIÁ VỀ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ CỦA**…..……..[[8]](#footnote-8)

 Khái quát chung về:

- Điều kiện tự nhiên, đất đai, sản xuất chăn nuôi, trồng trọt......

- Điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng.............

- Thuận lợi, cơ hội.....................................

- Những khó khăn, thách thức..................

- Thu nhập của hộ, nhóm hộ..........về trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản, lương hoặc các khoản trợ cấp, phụ cấp khác (nếu có).......[[9]](#footnote-9)

**IV. QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**1. Quy mô dự án**

 Dự án có tổng diện tích tự nhiên.......ha, trong đó diện tích khu đất dùng để sản xuất:..........ha.

**2. Địa điểm xây dựng dự án**

- Dự án xây dựng ở thôn (bản)........xã..............., huyện...................,

**3. Thời gian thực hiện dự án**

- Thời gian triển khai thực hiện dự án: Từ ngày ...tháng.....năm 201......

- Thời gian thực hiện hoàn thành dự án: Ngày.....tháng......năm 201......

**V. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN**

**1. Mục tiêu chung** (Ghi rỏ mục tiêu dài hạn)

 Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, kết nối thị trường đảm bảo ổn định đầu ra cho sản phẩm, tạo việc làm tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo cho .......... và góp phần đảm bảo an ninh chính trị xã hội ở địa phương......

**2. Mục tiêu cụ thể**, ví dụ

- Góp phần phát triển sản xuất hàng hoá trên cơ sở phát huy lợi thế của địa phương, chủ động cung cấp thêm nguồn sản phẩm cho địa phương;

- Tăng thu nhập, góp phần cải thiện đời sống của người dân;

- Hỗ trợ phát triển sản xuất các hình thức tổ chức của nông dân......

- Cải thiện môi trường sinh thái......

**VI. NỘI DUNG DỰ ÁN**

**1. Diện tích đất vùng dự án**

Tổng diện tích khu đất:..........ha.

*Trong đó:*

- Diện tích đất bố trí trồng cây hàng năm, chăn nuôi..:...........ha;

- Diện tích đất để xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu:...............ha;

- Diện tích.................................................................................ha

**2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho sản xuất**

a) Giao thông

- Nâng cấp, cải tạo đường vào khu sản xuất:.......km;

- Xây dựng mới đường vào khu sản xuất:............km;

.....................................

b) Thuỷ lợi

- Nâng cấp, cải tạo hệ thống tưới nước................ha;

- Nâng cấp, cải tạp kênh mương hiện có...............km;

- Xây dựng mới kênh mương.................................km.

.....................................

c) Điện

- Nâng cấp, cải tạo đường dây điện......................km.

- Xây dựng mới đường dây điện............................km:

.....................................

d) Khác...............................................................................

**3. Bố trí diện tích, loại cây, loại giống trồng, con nuôi …….. trong dự án**

 Chủ dự án xem xét, lựa chọn, xác định khối lượng, loại cây trồng trong dự án. liên kết với ai để cung ứng đầu vào giá rẻ và ổn định đầu ra cho sản phẩm, ví dụ như sau:

- Trồng lúa chất lượng cao: Diện tích:......ha, loại giống trồng:..............., có năng suất.........tạ/ha;

- Trồng ngô lấy hạt: Diện tích:........ha, loại giống trồng:....................., có năng suất......tạ/ha;

- Trồng cà phê: Diện tích:........ha, loại giống trồng:....................., có năng suất......tạ/ha;

- Nuôi trồng thuỷ sản.............ha, con giống..............,năng suất........,sản lượng......;

- Chăn nuôi:...............lợn.........., bò..............;

- Sản phẩm đặc sản của địa phương.............;

**4. Xây dựng dự án sản xuất**

(mô tả chi tiết các nội dung cần đầu tư, mua sắm....), ví dụ:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Diển giải** | ĐVT | **Số lượng** | **Đơn** **giá** | **Thành** **tiền** | **Ghi chú** |
| 1 | Giống cây, con.... |  |  |  |  |  |
| 2 | Phân bón, hoá chất.... |  |  |  |  |  |
| 3 | Thuốc trừ sâu... |  |  |  |  |  |
| 4 | Máy móc thiết bị.... |  |  |  |  |  |
| 5 | Xây dựng cơ sở hạ tầng, chuồng trại.... |  |  |  |  |  |
| 6 | Khác |  |  |  |  |  |
| 7 | .. |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |

**5. Hạch toán kinh tế**

 **- Doanh thu** *(Gồm sản phẩm tiêu thụ trong nước và xuất khẩu)*: P x Q

*Trong đó:*

+ P: Giá bán đối với sản phẩm..........

+ Q: Khối lượng sản phẩm bán ra .....

Ví dụ: Trồng trọt..........đồng, chăn nuôi............đồng, nuôi trồng thuỷ sản......đồng.

**- Chi phí:**

 Hạch toán các khoản chi phi hợp lý để sản xuất ra tổng khối lượng sản phẩm (Giá thành sản phẩm), Ví dụ: nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí quản lý, chi phí sản xuất chung, gống, phân bón, thuốc trừ sâu, mua máy móc thiết bị, tham quan mô hình, lãi suất tiền vay, chi phí khác…

**- Lợi nhuận**= (Doanh thu – Chi phí)

**- Thời gian hoàn vốn**: (dự kiến bao nhiêu năm thì hoàn vốn vay cho ngân hàng)

**6. Tổng hợp nhu cầu kinh phí để thực hiện dự án**

 a. Tổng số:....................................................................triệu đồng

- Kinh phí để mua sắm giống, vật tư thiết yếu............triệu đồng

- Kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng:.............................triệu đồng

- Kinh phí ....................................................................triệu đồng

b. Nguồn kinh phí thực hiện dự án:

- Ngân sách Nhà nước hỗ trợ (nếu có):..................triệu đồng, chiếm.......%;

- Vốn tự có :…………………………...................triệu đồng, chiếm........%;

- Vốn liên doanh- liên kết:......................................triệu đồng, chiếm........%.

- Vốn đề nghị vay ngân hàng..................................triệu đồng, chiếm........%;

**7. Giải pháp thực hiện**

7.1. Về kỹ thuật.....................................................................................

7.2. Về nhu cầu cần tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, thăm quan, học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh.

7.3. Về giống...........................................................................................

7.4. Về vốn, vật tư...................................................................................

7.5. Về lao động và việc làm....................................................................

7.6. Thu hoạch, bảo quản sản phẩm.........................................................

7.7. Thị trường tiêu thụ: Nêu rõ thị trường tiêu thụ sản phẩm...............

7.8. Về chính sách liên kết (Sản xuất- chế biến- tiêu thụ)......................

7.9. Các giải pháp khác (nếu có)..............................................................

**VII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**1. Chủ dự án**

- Chủ dự án là (hay gọi là chủ đầu tư) một trong những đối tượng như:Hộ gia đình; nhóm hộ; chủ trang trại, gia trại, hợp tác xã, tổ hợp tác (gọi là khách hàng) …có điều kiện, khả năng tổ chức xây dựng và thực hiện dự án có tiềm năng, lợi thế phát triển tại khu vực được xác định trong đề án, quy hoạch, kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã phê duyệt (đối tượng phải phù hợp với điều 2 của Quyết định 21/2015/QĐ- UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị).

- Chủ dự án xây dựng quy chế hoạt động thực hiện dự án, trong đó đặc biệt lưu ý phải xác định rõ về quyền lợi và nghĩa vụ của hộ gia đình tham gia thực hiện dự án được hưởng những lợi ích gì và phải đóng góp những cái gì (như đất đai, công lao động, vốn để mua giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...) để các hộ gia đình tham gia thảo luận, bàn bạc thống nhất cao mới triển khai, thực hiện được việc lập dự án.

**2. Đối tượng thực hiện dự án**

- Các chủ đầu tư tham gia thực hiện Dự án phải đăng ký với UBND xã, phường, thị trấn để được thực hiện dự án. Đồng thời phải làm tròn nghĩa vụ của gia đình về các quy định của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

- Trường hợp một số hộ gia đình trong vùng dự án không tham gia thực hiện dự án có liên quan đến đất, vị trí đất như: Đất ruộng 01 vụ, đất ruộng 02 vụ, đất màu...đất liền lô, liền khoảnh, thì chủ dự án phải thống nhất với Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn có giải pháp vận động các hộ dân chuyển đổi vị trí đất hoặc nhượng lại đất sản xuất trong khu vực cho chủ dự án có điều kiện xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện dự án.

**VIII. HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN**

**1. Hiệu quả kinh tế của dự án**

- Dự án sản xuất ……….………. trên địa bàn được thực hiện sẽ tạo ra động lực thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp có giá trị kinh tế cao, để trở thành hàng hoá có sức cạnh tranh tiêu thụ trên thị trường, tăng thu nhập, cải thiện đời sống, góp phần làm thay đổi đời sống vật chất và tinh thần cho .........

- Dự án sản xuất ……………. được thực hiện tạo được điều kiện cho người dân nông thôn có khả năng tham gia đóng góp sức người, sức của để chung sức với nhân dân trong xã để xây dựng nông thôn mới.

- Dự án sản xuất …………….được thực hiện sẽ góp phần cho hộ gia đình nâng mức thu nhập bình quân đạt............triệu đồng/người/năm.

**2. Hiệu quả về xã hội**

- Dự án sản xuất …………. được thực hiện sẽ góp phần cho các hộ gia đình có điều kiện chăm sóc con cái học hành, thúc đẩy đời sống văn hoá phát triển, tham gia đóng các bảo hiểm: Y tế, xã hội...

- Dự án sản xuất ………… được thực hiện góp phần làm ổn định, giữ vững an ninh chính trị và an toàn xã hội trên địa bàn.

**3. Hiệu quả về môi trường**

- Dự án sản xuất …………. được thực hiện sẽ kiểm soát được trong quá trình sản xuất về sử dụng phân bón hoá học, thuốc bảo vệ thực vật đúng chủng loại, đúng quy trình, kỹ thuật tránh gây hại đến môi trường, sinh thái trong vùng sản xuất.

- Dự án sản xuất ………….. đối cây trồng …….. được thực hiện áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh tiên tiến, sản xuất bền vững và cải thiện được môi trường sinh thái.

**IX. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

**1. Kết luận**

Dự án sản xuất …….. ………, thôn……xã...................., huyện..................., tỉnh Quảng Trị là Dự án có tính khả thi cao, đáp ứng được nguyện vọng của .............. ....... thực hiện để phát triển kinh tế, giảm nghèo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, có điều kiện chung sức cùng nhân dân toàn xã tham gia đóng góp xây dựng nông thôn mới trên địa bàn, khai thác tiềm năng lợi thế của địa phương..........

**2. Kiến nghị**

Đề nghị UBND cấp xã, phường, thị trấn phê duyệt dự án để được triển khai thực hiện (hoặc Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, Phòng Kinh tế thành phố, thị xã thẩm định, trình UBND cấp huyện phê duyệt dự án để được triển khai thực hiện)[[10]](#footnote-10).

 *............,Ngày....... tháng.........năm 20.......*

|  |  |
| --- | --- |
|  **Phê duyệt của UBND ………[[11]](#footnote-11)** *(ký, đóng dấu)* | **Chủ dự án****(Người thực hiện)***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

 **Mẫu 04[[12]](#footnote-12): ..../GĐNHTLS**

- Số hồ sơ:……......./ UB ND xã .............

- Ngày, tháng nhận HS………..

- Ngày, tháng xử lý HS……….

(*cán bộ tiếp nhận hồ sơ ký ghi rỏ họ tên)*

 **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập- Tự do- Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CHO VAY HỖ TRỢ LÃI SUẤT**

**Phát triển sản xuất và ngành nghề, dịch vụ nông thôn thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2015-2020.**

Kính gửi: UBND xã................................

Tôi tên là:........................................................

Chức vụ/ Nghề nghiệp:..........................................................

Địa chỉ: Thôn (bản).................,xã................, huyện..............tỉnh Quảng Trị

Điện thoại (nếu có):.........................

 Căn cứ Quyết định 21/2015/QĐ- UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất kinh doanh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Đề án xây dựng nông thôn mới xã, Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của Phường, thị trấn……….................................;

………….. kính trình UBND……….., xem xét và chấp thuận dự án ………….tại thôn……….,xã…….huyện…….. tỉnh Quảng Trị với các nội dung như sau:

1. Tên Dự án: ………………………………….....................

2. Mục tiêu: *(ghi rỏ mục tiêu cụ thể như trong dự án, phương án sản xuất kinh doanh)*

3. Nội dung và quy mô:……………………………………………………

4. Địa điểm triển khai:……………………….…………….………………

5. Kinh phí đầu tư *(dự kiến):……………………………*…….………………

6. Nguồn vốn *(ghi rỏ các nguồn vốn bao gồm cả nguồn vốn nhà nước hỗ trợ (nếu có), vốn tự có, vốn đề nghị ngân hàng cho vay….):*……………….

7. Thời gian thực hiện dự án:………………………………….., trong đó: Thời gian đề nghị hỗ trợ lãi suất tiền vay…………năm (ghi rõ mấy năm ngắn hạn, trung hạn hoặc dài hạn).

8. Số tiền đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất tiền vay………………tr đồng.

………… đề nghị UBND……….., xem xét, chấp thuận dự án………….. và hỗ trợ lãi suất tiền vay 01 năm, 02 năm, 03 năm (ghi rỏ)./.

 *Ngày…..tháng…..năm…….*

**Người đề nghị**

 *( ký, ghi rõ họ tên; chức vụ, đóng dấu (nếu có))*

**Phê duyệt của UBND[[13]](#footnote-13)………….................**

*- Tên chủ dự án:………………………….....….*

*- Tên dự án………………………………...……;*

*- Địa chỉ:………………………………….……..;*

*- Tổng số kinh phí được phê duyệt…………..;*

*- Thời gian cho vay:…………………..……….;*

 *Ngày….tháng….năm…..*

*( ký tên, đống dấu)*

*\* Ghi chú: Trường hợp không phê duyệt thì đề nghị ghi rỏ lý do và phê ở phần dưới đơn và lưu lại ở hồ sơ đến của UBND xã để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu hoặc khi người dân khiếu kiện.*

**Mẫu 05: ...../NTM[[14]](#footnote-14)**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CHO VAY HỖ TRỢ LÃI SUẤT**

***(Quyết định số 21/2015/QĐ- UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh)***

Kính gửi: (tên TCTD cho vay).......................................................

Tên khách hàng vay (tổ chức, cá nhân).........................................

Địa chỉ:...........................................................................................

Điện thoại:........................fax............................Emai;...................

Tên người đại diện.....................Chức vụ:.....................................

Căn cứ Quyết định 21/2015/QĐ- UBND ngày 14 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất, vốn vay phát triển sản xuất kinh doanh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015- 2020;

Chúng tôi đề nghị: Ngân hàng (TCTD nơi cho vay) cho vay hỗ trợ lãi suất theo quy định đối với các khoản vay mới thuộc đối tượng (\*):.................................

............................................................................................................................

Chúng tôi cam kết chấp hành các quy định của pháp luật về cho vay và hỗ trợ lãi suất theo các quy định của pháp luật về cho vay và hỗ trợ lãi suất theo các quy định của TCTD, của UBND tỉnh và các cam kết trong hợp đồng tín dụng; sử dụng vốn vay đúng mục đích, đúng đối tượng được hỗ trợ lãi suất, hoàn trả ngay số tiền đã được hỗ trợ lãi suất, nếu sử dụng tiền vay không đúng mục đích của đối tượng được hỗ trợ lãi suất đã ghi trong HĐTD, chịu trách nhiệm hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu để xẩy ra vi phạm./.

............., ngày...tháng....năm 201...

**XÁC NHẬN CỦA BAN QUẢN LÝ KHÁCH HÀNG VAY**

**XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ**  (*Ký tên và đóng dấu/ nếu có*)

 Ban QLXDNTM xã xác nhận:..........

............................................................

 Ngày.....tháng....năm 201.....

 **TM. BAN QLXDNTM XÃ**

 **TRƯỞNG BAN**

 *(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú: - Khách hàng lập khi phát sinh vay lần đầu cho từng đối tượng cụ thể theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 21/2015/QĐ- UBND, Khách hàng vay nhiều lần cho 01 đối tượng thì chỉ phải lập 01 giấy đề nghị khi vay món đầu tiên. Mỗi lần phát sinh vay đối tượng mới thì khách hàng phải lập giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất có xác nhận của BQLXDNTM xã.

- (\*) Căn cứ các đối tượng tại Điều 4 để khách hàng ghi đối tượng vay. Ví dụ: Khách hàng ghi” Vay vốn sản xuất hàng hoá nông nghiệp chủ lực theo điểm b, d, mục 1, điều 4”

1. Ví dụ: Lĩnh vực trồng trọt ( Lúa, Ngô, Cà phê, Hồ Tiêu, cao su); Lĩnh vực chăn nuôi ( Lợn, Bò) theo Điều 4, Chương II- Các quy định cụ thể tại Quyết định 21 [↑](#footnote-ref-1)
2. Ví dụ: Lĩnh vực trồng trọt ( Lúa, Ngô, Cà phê, Hồ Tiêu, cao su); Lĩnh vực chăn nuôi ( Lợn, Bò) theo Điều 4, Chương II- Các quy định cụ thể tại Quyết định 21 [↑](#footnote-ref-2)
3. Ví dụ: Lĩnh vực trồng trọt ( Lúa, Ngô, Cà phê, Hồ Tiêu, cao su); Lĩnh vực chăn nuôi ( Lợn, Bò) theo Điều 4, Chương II- Các quy định cụ thể tại Quyết định 21 [↑](#footnote-ref-3)
4. ví dụ: Trồng lúa chất lượng cao, chăn nuôi bò sinh sản.... [↑](#footnote-ref-4)
5. Hộ gia đình, cá nhân, đại diện tổ, nhóm hoặc HTX [↑](#footnote-ref-5)
6. Địa chỉ của của hộ gia đình, cá nhân, đại diện tổ, nhóm hoặc HTX [↑](#footnote-ref-6)
7. Tại thôn, bản, khu phố thuộc xã, phường, thị trấn [↑](#footnote-ref-7)
8. Của hộ gia đình, cá nhân, Hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác nông nghiệp, chủ trang trại, gia trại [↑](#footnote-ref-8)
9. Chứng minh tài chính của chủ dự án [↑](#footnote-ref-9)
10. UBND xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) phê duyệt dự án, phương án sản xuất kinh doanh có mức vốn vay đến 1,0 tỷ đồng; UBND cấp huyện, thành phố, thị xã (gọi là cấp huyện) phê duyệt dự án, phương án sản xuất kinh doanh có mức vốn vay trên 1,0 tỷ đồng.

\* Ghi chú: Trường hợp không phê duyệt thì đề nghị ghi rỏ lý do và phê ở phần dưới đơn và lưu lại ở hồ sơ đến của UBND xã, phường, thị trấn để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi người dân khiếu kiện. [↑](#footnote-ref-10)
11. Nơi dự án được thực hiện [↑](#footnote-ref-11)
12. Đơn của người xin vay vốn gửi UBND cấp xã kèm theo hồ sơ đề vay vốn [↑](#footnote-ref-12)
13. UBND xã phê duyệt dự án có mức vốn vay đến 1,0 tỷ đồng; UBND cấp huyện, thành phố, thị xã phê duyệt có mức vốn vay trên 1, 0 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-13)
14. *Đơn của người xin vay vốn gửi các tổ chức tín dụng, kèm theo hồ sơ có liên quan* [↑](#footnote-ref-14)